

Thành phố Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại ("Công ty"),

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải và Thương Mại.

Chi tiết sửa đổi, bổ sung được đính kèm tại Phụ lục 2 của Bộ tài liệu này.

**Trân trọng kính trình,**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ VẬN TẢI  
VÀ THƯƠNG MẠI  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
M.S.D.N: 020031594



**Lê Phúc Tùng**

Thành phố Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

## PHỤ LỤC 2

### CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆN HÀNH VÀ QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

(Đính kèm Tài liệu hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Và Thương Mại)

#### Quy ước chung:

- Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sau đây gọi tắt là “**Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty**”.
- “**Quy chế hiện hành**” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Và Thương Mại được Đại hội đồng Cổ đông Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Và Thương Mại nhất trí thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2023.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
Điều 1	<b>Phạm vi điều chỉnh</b> 1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần niêm yết theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng các quy định pháp luật có liên quan trên cơ sở tham khảo những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Việt Nam và của Công ty. 2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về văn hóa và đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các viên bộ phận của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục hợp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban	Điều chỉnh theo quy định tại “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	3. Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tài và Thương mại. 4. Quy chế được áp dụng đối với phạm vi các đối tượng là Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người có liên quan.	kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.	
<b>Điều 2</b>	<b>Không quy định</b>	<b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b> 1. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.	Làm rõ hơn thuật ngữ có liên quan.
<b>Điều 3</b>	k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	k) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 15 Điều lệ Công ty.
<b>Điều 4</b>	1. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.	1. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 14 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.	Cập nhật điều khoản đề thống nhất với Điều lệ Công ty.
	Khoản 2. f) Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông; Nội dung thông báo gồm thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, tiêu chuẩn xác định quyền dự họp của Cổ đông, tóm tắt nội dung chính của Đại hội, hướng dẫn đăng ký tham dự, kèm theo chương trình họp và các tài liệu liên quan khác	Khoản 2 f) Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông,	Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>phục vụ đại hội. Việc gửi tài liệu hợp theo thông báo mời họp có thể được thay thế bằng đăng tải lên website của Công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu hợp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho các cổ đông theo đúng phương thức, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29, khoản 1 và 2 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi Thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ tự sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết bầu cử tại Đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp đề các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li><li>- Danh sách và thông tin chi tiết của các Ủy viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;</li><li>- Phiếu biểu quyết/bầu cử;</li><li>- Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề</li></ul>	

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<b>Không quy định</b>	3. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy chế này. b) Phương thức, trình tự, thủ tục mời Họp đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Điều này. c) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. d) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điểm c, Khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 4, 5, 6, Điều 18 Điều lệ Công ty và “Mẫu quy nội bộ về quản trị công ty”.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Cổ đông được phép ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b Điều này;</li> <li>- Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</li> <li>- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> <li>e) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm d; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</li> </ul> <p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Cổ đông được phép ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>5. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không</p>	<p>Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</li> <li>- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</li> </ul> <p>Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Cập nhật điều khoản đề thông nhất với Điều lệ Công ty.</p>
		<p>6. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc</p>	

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
<p>6. Thẻ thực biểu quyết tại Đại Hội đồng cổ đông:  a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phân đối nghị quyết hoặc bỏ phiếu trắng được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phân đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phân đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.  b) Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>	<p>7. Thẻ thực biểu quyết tại Đại Hội đồng cổ đông:  a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phân đối nghị quyết hoặc bỏ phiếu trắng được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phân đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phân đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.  Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	



Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	Khoản 7. b) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm: -Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông; -Tổ chức kiểm phiếu; -Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông; - Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.	Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số Thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết, trước đó không thay đổi. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.	Đã được quy định tại Khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>Khoản 8</p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua và được công bố trên website của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	<p>Khoản 9</p> <p>c) Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản b Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty lưu giữ <del>phải được thông báo bằng văn bản đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua và</del> và đăng tải trên website của Công ty để Cổ đông có thể dễ dàng truy cập thay cho việc gửi thư trực tiếp đến Cổ đông và đăng tải trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>	<p>Thay đổi đề phù hợp với nội dung tại Khoản 5 Điều 21 và Khoản 5, Điều 23 Điều lệ Công ty.</p>
	<p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng là người Chủ trì phiên họp Đại hội. Những người tham gia họp cứ Thư ký ghi biên bản Đại hội, trong đó ghi chép quá trình diễn biến đại hội, số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần tham dự, việc thông qua các báo cáo, tờ trình và các quyết định của Đại hội.</p> <p>Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng (15) mười lăm ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về</p>	<p>10. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;</li> <li>- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;</li> <li>- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> </ul>	<p>Thay đổi đề phù hợp với nội dung tại Điều 23 Điều lệ Công ty và "Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty".</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng (10) mười ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký Đại hội và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản hợp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;</li> <li>- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>- Số Cổ đông và tổng số Phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>- Tổng số Phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số Phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;</li> <li>- Tổng hợp số phiếu bầu cử từng Ứng viên (nếu có);</li> <li>- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ Phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</li> </ul> <p>b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc</p>	

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>“10. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn (90) chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: ...”</p> <p><b>b) Không quy định</b></p> <p><b>c) Không quy định</b></p>	<p>hợp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>11. Yêu cầu hủy bỏ Cách thức phân đổi quyết định của Đại hội đồng cổ đông: a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: ... b) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày</p>	<p>- Điều chỉnh tên điều khoản theo “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”. - Bổ sung khoản b, c theo quy định tại Điều 132, Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
<b>Điều 5</b>	<p>11. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi đến các cổ đông, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán dưới hình thức văn bản và được thông báo ra công chúng trên website Công ty trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội.</p> <p>1. Thăm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>c) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm b, Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p><b>Bãi bỏ</b></p> <p>1. Thăm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty và các vấn đề được quy định tại Khoản 1, Điều 22 Điều lệ công ty.</p>	<p>Đã được quy định tại Điểm d, Khoản 9 của Quy chế sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Thay đổi đề phù hợp với nội dung tại Khoản 1, Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	Khoản 2. a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;	Khoản 2. a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến; Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Bổ sung làm rõ nội dung Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm.
	1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty.	3. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên.	Theo nội dung tại “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”.
<b>Điều 6</b>	1. c) Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phân ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự. d) Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng Đại biểu dự hợp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.	<b>Bãi bỏ</b>	Đã được quy định tại Khoản g. Điều này.
	g. - Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và	g. - Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và	Theo quy định tại Khoản 8, Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</li> <li>+ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc</li> <li>+ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</li> </ul>	<p><del>tại một</del> hoặc thay đổi địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</li> <li>+ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc</li> <li>+ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. <u>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết</u></li> </ul>	
	<p>Khoản 4. Điểm b</p> <p>- Trường Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.</p>	<p>Khoản 4. Điểm b</p> <p>- Trường Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 19 Điều lệ Công ty.</p>
Điều 9	<p><b>Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Phù hợp với “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”.</p>
Điều 10	<p><b>Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Không quy định</p>	<p><b>Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. quy chế</p>	<p>Phù hợp với “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
<b>Điều 11</b>	4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.	4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 3, Điều 26 Điều lệ Công ty.
<b>Điều 12</b>	5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.	5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh cho chính xác với quy định của Pháp luật.
<b>Điều 12</b>	Khoản 1. c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	<b>Bãi bỏ</b>	Đã được quy định tại Khoản 5, Điều này.
	5. Thành viên Hội đồng quản trị Công có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	5. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.	Theo quy định tại Khoản 3, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
<b>Điều 13</b>	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) Ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) Ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) Ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) Ứng viên.	Thay đổi đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 2, Điều 25 Điều lệ Công ty.
<b>Bổ sung điều</b>	Không quy định	<b>Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trưng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số	Theo quy định tại “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty” và Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
<b>Điều 15</b>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;</p> <p>c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</p>	<p>thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>a) Thay đổi đề thống nhất với điều khoản của Luật doanh nghiệp 2020;</p> <p>c) Đã được quy định tại điểm a Khoản này.</p>
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp Điều 35 của Điều lệ này;</p> <p>c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 2, Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.	b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty. b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó; e) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.	Theo quy định tại “Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty”
<b>Điều 14</b>	<b>5. Không quy định.</b>	5. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.  <b>Điều 16.</b> 5. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tinh trung, thực. chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn;	Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
Điều 16		<p>c) Quả trình công tác;                      d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);                      e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;                      đ) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.                      Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà từng cư viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của từng cư viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
Điều 17	<p><b>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</b>                      2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	<p><b>Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>                      2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc và thưởng của mình dưới tư cách là Thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các Thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 2, Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
Điều 18	<p><b>Khoản 8</b> <b>e) Không quy định</b></p>	<p>hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p><b>Điều 19.</b> <b>Khoản 8</b> <b>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</b></p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 9, Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>
	<p><b>Khoản 10</b> d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 58 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p><b>Khoản 10</b> d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 58 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Thay đổi để thống nhất với điều khoản của tại Điều lệ Công ty.</p>
	<p><b>Khoản 11.</b> b. Hợp qua điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: - Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. - Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông) hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp trong trường hợp này được coi là "có</p>	<p><b>Khoản 11</b> b) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy</p>	<p>Thay đổi để phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 16, Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>- Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>- Các quyết định được thông qua trong cuộc họp theo hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Biên bản họp trong trường hợp này phải được bổ sung đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	<p>Thay đổi đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản a, Điều 18 của Điều lệ Công ty.</p>
	<p>13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, bằng tiếng Việt. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 15 Điều 39 Điều lệ Công ty thì biên bản</p>	<p>13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất</p>	

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và khoản 15 Điều 39-điểm a, Khoản 18, Điều 30 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
<b>Điều 19</b>	<p>2. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p>	<p><b>Điều 20</b> 2. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Số lượng Thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm Thành viên của Hội đồng quản trị và Thành viên bên ngoài. Các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các Thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>
<b>Điều 20</b>	<p>1. Hội đồng quản trị phải chi định ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả...</p>	<p><b>Điều 21</b> 1. Hội đồng quản trị phải <del>chi định</del> bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.</p>	<p>Thay đổi đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 33 Điều lệ Công ty.</p>

<b>Điều khoản</b>	<b>Nội dung hiện tại</b>	<b>Nội dung đề xuất thay đổi</b>	<b>Lý do thay đổi</b>
<b>Điều 21</b>	<p>1. Điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử, đề cử làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty sẽ áp dụng quy định tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị, được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>Bãi bỏ</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Thành viên Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Thành viên Ban kiểm soát; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Thành viên Ban kiểm soát; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Thành viên Ban kiểm soát; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số lượng các Ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Đã được quy định tại, Khoản 3, Khoản 4, Điều này.</p> <p>Thay đổi để phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 1, Điều 37 Điều lệ Công ty.</p>
<b>Điều 22</b>		<b>Điều 23</b>	



Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
Điều 23		Điều 24	
Điều 24		Điều 25	
Điều 25	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ Công ty;</p>	<p>Điều 26</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty;</p>	<p>Thay đổi để thống nhất với điều khoản của tại Điều lệ Công ty.</p>
Điều 27	<p><b>Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.</p> <p>2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty</p>	<p>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.</p>	<p>Thay đổi để phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 40 Điều lệ Công ty.</p>

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
	<p>nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm.</p> <p>4. Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.</p> <p>5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p>	<p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	

Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất thay đổi	Lý do thay đổi
Điều 28		10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 29	Khoản 4 e) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận; i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó. j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hàng năm; k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và cả hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của giám đốc.	Điều 29 <b>Điều 30</b> Khoản 4. e) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó. j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hàng năm; k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và cả hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của giám đốc.	Thay đổi đề phù hợp với nội dung thay đổi tại Khoản 4, Điều 36 Điều lệ Công ty.
Điều 30		Điều 31	
Điều 31		Điều 32	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Địa chỉ: Số 5 Lô 2B, Khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: (0225) 3821260

Website: [www.transco.com.vn](http://www.transco.com.vn)

<b>Điều khoản</b>	<b>Nội dung hiện tại</b>	<b>Nội dung đề xuất thay đổi</b>	<b>Lý do thay đổi</b>
Điều 32		Điều 33	
Điều 33		Điều 34	
Điều 34		Điều 35	
Điều 35		Điều 36	
Điều 36		Điều 37	
Điều 37		Điều 38	
Điều 38		Điều 39	
Điều 39		Điều 40	
Điều 40		Điều 41	
Điều 41		Điều 42	
Điều 42		Điều 43	
Điều 43		Điều 44	
Điều 44		Điều 45	
Điều 45		Điều 46	
Điều 46		Điều 47	
Điều 47		Điều 48	
Điều 48		Điều 49	
Điều 49		Điều 50	
Điều 50		Điều 51	